TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **104**/2022/DS-ST
Ngày: 21/9/2022
"Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đạt

2. Bà Lê Thị Bé Tám

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ý là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiên lương tham gia phiên tòa:*** Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 8 năm 2022 và Thông báo dời phiên tòa số: 129/TB-TA ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1975 Là chủ hộ kinh doanh Ph, có mặt

Đại diện theo giấy ủy quyền: Bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1954, có mặt

Cùng địa chỉ: Tổ 4, ấp T5, xã V, huyện Gi, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Ông Lê Văn D (tên gọi khác là Út Hâu), sinh năm 1969, có mặt

Bà Trần Thị H, sinh năm 1969, có mặt

Cùng địa chỉ: ấp L, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ph là chủ hộ kinh doanh Phúc và đại diện nguyên đơn bà Phạm Thị Nh trình bày:

Ông là chủ cửa hàng kinh doanh vật tư nông nghiệp Ph, mẹ ông là Phạm Thị Nh có đứng ra bán phân bón, thuốc trừ sâu cho vợ chồng ông Lê Văn D bà Trần Thị H với số tiền 206.190.000đ vào năm 2021 - 2022 (vụ lúa Đông Xuân). Bà H thỏa thuận với bà Nh đến mùa vụ cắt lúa thì trả hết số nợ mua bán phân bón, thuốc sâu nhưng đến thời điểm này bà H ông D đã cắt lúa xong vẫn không trả nợ. Nay ông Ph là chủ hộ kinh doanh Ph yêu cầu ông D bà H trả số nợ số tiền 206.190.000đ và tính lãi suất theo quy định pháp luật 19/3/2022 đến khi ngày xét xử

Bị đơn bà Trần Thị H, ông Lê Văn D trình bày: Ông bà thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng kinh doanh vật tư nông nghiệp Ph do bà Phạm Thị Nh đứng ra bán từ năm 2016. Vợ chồng ông D bà H thừa nhận còn nợ tiền mua bán vật tư nông nghiệp thuốc trừ sâu, phân bón với số tiền 206.190.000đ. Nay vợ chồng ông D bà H không đồng ý trả số nợ này vì bà Nh không cho chuộc lại 25 công đất cầm cố cho bà Nh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn bà Trần Thị H ông Lê Văn D có nơi cư trú tại: ấp L, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Giữa ông Nguyễn Văn Ph là chủ hộ kinh doanh Ph và vợ chồng ông Lê Văn D bà Trần Thị H có giao dịch dân sự mua bán vật tư nông nghiệp với nhau, bà Phạm Thị Nh (mẹ ruột của ông Ph) là người đứng ra bán vật tư nông nghiệp gồm phân bón, thuốc trừ sâu cho vợ chồng ông D bà H vụ lúa năm 2021- 2022 và ông D bà H còn nợ lại số tiền 206.190.000đ.

Xét yêu cầu của ông Ph là chủ hộ kinh doanh Ph yêu cầu vợ chồng ông D bà H trả nợ tiền mua bán vật tư nông nghiệp số tiền 206.190.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 19/3/2022 đến ngày xét xử. Hội đồng xét xử nhận thấy có sở chấp nhận. Bởi lẽ, giữa ông Ph là chủ hộ kinh doanh Phúc và vợ chồng ông D bà H có giao dịch mua bán vật tư nông nghiệp với nhau và phía bị đơn ông D bà H cũng thừa nhận còn nợ tiền mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng kinh doanh vật tư nông nghiệp Phúc số tiền 206.190.000đ. Tại phiên tòa ông D bà H khai rằng trước đây ông bà có cầm cố 25 công đất cho bà Nh với số tiền 425.000.000đ, ông D bà H cho rằng bà Nh cho chuộc lại đất thì mới đồng ý trả số nợ mua vật tư nông nghiệp này, Hội đồng xét xử nhận thấy việc cầm cố đất giữa bà Nh với ông D bà H không liên quan đến số nợ tiền mua vật tư nông nghiệp của ông Ph là chủ hộ kinh doanh Ph nên không xem xét giải

quyết trong vụ án này. Nếu các đương sự có phát sinh tranh chấp về việc cầm cố đất thì khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Ph là chủ hộ kinh doanh Ph và buộc ông D bà H trả số tiền nợ mua vật tư nông nghiệp số tiền 206.190.000đ.

[3] Về lãi suất: Ông Ph là chủ hộ kinh doanh Phúc yêu cầu vợ chồng ông D bà H trả lãi suất theo quy định pháp luật trên số tiền 206.190.0000đ kể từ ngày 19/3/2022 đến ngày xét xử là có cơ sở. Bởi vì, giữa ông Ph là chủ kinh doanh Phúc và vợ chồng ông D bà H có mua bán vật tư nông nghiệp với nhau. Tuy nhiên, khi giao dịch mua bán giữa ông Ph là chủ hộ kinh doanh Ph với ông D bà H không có thỏa thuận về lãi suất khi ông D bà H chậm thanh toán nợ tiền mua vật tư nông nghiệp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ông Ph là chủ hộ kinh doanh Ph về yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật là phù hợp được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 lãi suất là 10%/năm, theo đó lãi suất được tính như sau: Lãi suất tính từ ngày 19/3/2022 đến ngày 21/9/2022 là 06 tháng 02 ngày trên số tiền 206.190.000đ [(06 tháng x 0,83% x 206.190.000đ = 10.268.262đ) + (02 ngày x 0,027% x 206.190.000đ = 111.342đ)] = 10.379.604đ. Như vậy, vợ chồng ông D bà H phải trả tiền lãi số tiền 10.379.604đ cho ông Ph là chủ hộ kinh doanh Ph.

[4] Xét thấy tại phiên tòa ông D bà H xin trả chậm số nợ tiền vật tư nông nghiệp do phía nguyên đơn không đồng ý và pháp luật cũng không quy định về việc trả chậm. Do đó, về cách thức thanh toán số nợ thuộc thẩm quyền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ph là chủ hộ kinh doanh Ph và buộc vợ chồng ông D bà H trả nợ tiền mua vật tư nông nghiệp gốc lãi số tiền 216.569.604đ (trong đó nợ gốc là 206.190.000đ và nợ lãi là 10.379.604đ) cho ông Ph là chủ hộ kinh doanh Ph.

[5] Về án phí: Ông D bà H bị buộc trả số nợ tiền mua vật tư nông nghiệp gốc lãi 216.569.604đ nên phải chịu án phí theo quy định. Ông Ph là chủ hộ kinh doanh Ph được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 430; 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ph là chủ hộ kinh doanh Ph.

Buộc bà Trần Thị H ông Lê Văn D phải có nghĩa vụ trả nợ tiền mua bán vật tư nông nghiệp gốc lãi số tiền 216.569.604đ (trong đó nợ gốc là 206.190.000đ và nợ lãi là 10.379.604đ) cho ông Nguyễn Văn Ph là chủ hộ kinh doanh Ph.

Kể từ ngày nguyên đơn có yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bà Trần Thị H ông Lê Văn D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 10.828.480đ.

Ông Ph là chủ hộ kinh doanh Ph được nhận lại tạm ứng án phí số tiền là 5.154.750đ theo biên lai thu tạm ưng án phí số 0000167 ngày 16/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/9/2022);

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- THA dân sự h. Kiên Lương;
- Đương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Cao Thị Mai